

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06-3-2025

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh G”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Nguyên và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trương Thị T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện An, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Trần Văn G**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trương Thị T trình bày như sau:

Chị Trương Thị T (gọi tắt là chị T) và anh Trần Văn G (gọi tắt là anh G) chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức

đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27 tháng 02 năm 2015 theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình bên chồng khó khăn, tính toán với con dâu, không phụ trông nom chăm sóc cháu nội do đó chị T cảm thấy khó sống ở gia đình bên chồng, bản thân anh G đi làm có tiền mang về vợ chỉ được chi xài một nửa còn một nửa phải đưa cho cha mẹ chồng. Điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, bất hoà không có hạnh phúc. Do không có sự hoà hợp nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng bốn năm đến nay mỗi người đều tạo dựng cuộc sống riêng, có vợ chồng mới và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có hai người con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 27/11/2015 và Trần Văn L, sinh ngày 23/3/2017. Trong thời gian vợ chồng ly thân con chung sống với anh G và gia đình bên nội. Khi ly hôn chị T giao các con chung cho G tiếp tục nuôi dưỡng và chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Trần Văn G vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị T.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Trần Văn T1 và cháu Trần Văn L có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy căn cước công dân (Bản sao); giấy khai sinh của con chung. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh G vắng mặt đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh G; về con chung giao các cháu Trần Văn T1 và Trần Văn L cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu ly hôn với anh G và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Trần Văn G được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Về hôn nhân: Chị T và anh G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị T và anh G đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do điều kiện kinh tế của gia đình gặp khó khăn, quan điểm sống của vợ chồng không hoà hợp từ đó vợ chồng thường xảy ra cự cãi, bất hoà. Không vượt qua được những khó khăn trong đời sống hôn nhân chị T và anh G đã tự ly thân đến nay đã khoảng bốn năm trong thời gian ly thân mỗi người đều đã tạo dựng cuộc sống mới, tìm bạn đời mới không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau

và đến nay các đương sự đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giải quyết cho chị T và anh G ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị T và anh G có hai người con chung là cháu Trần Văn T1, sinh ngày 27/11/2015 và Trần Văn L, sinh ngày 23/3/2017. Hiện nay các con chung của anh chị đang sống với anh G có cuộc sống ổn định, anh G lao động có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung đồng thời các con chung đều có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Trần Văn T1 và Trần Văn L cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị T và anh G ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung, anh G được giao nuôi con chung nhưng không thể hiện yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 171 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Trần Văn G.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Văn T1, sinh ngày 27/11/2015 và Trần Văn L, sinh ngày 23/3/2017 cho anh Trần Văn G tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Trương Thị T và anh Trần Văn G ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị T không cấp dưỡng nuôi con chung, anh Trần Văn G được giao nuôi con chung nhưng không thể hiện yêu cầu chị Trương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Trương Thị T xác định không có, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003482 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trương Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 06/3/2025, bị đơn có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phước A;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm